

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:01/2023/HS-ST
Ngày 03 - 01 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K - TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Dựng

Ông Hoàng Văn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 123/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:101/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1988. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn N, xã H1, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N1 và bà Phạm Thị N. Có vợ Phạm Thị H. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/4/2013 bị Công an huyện K (nay là Công an thị xã K) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 54 về hành vi Xâm phạm sức khỏe người khác, phạt tiền 1.500.000 đồng. Ngày 10/5/2013, H đã chấp hành nộp phạt. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/4/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã K. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đức H1, sinh năm 1995. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: C 1, xã H1, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Nguyễn Thị H. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/4/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã K. Có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn T1, sinh năm 1990. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn N, xã H1, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lê Quý Q và bà Ngô Thị T. Có vợ Bùi Thị T1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/4/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã K. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: 1. Chị Hoàng Thị V

2. Chị Hoàng Thị D

3. Chị Lương Thị Ngọc N

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 22/4/2022, Nguyễn Văn H, Bùi Văn V, Lê Văn T1 rủ nhau đi hát Karaoke tại quán Văn H1, địa chỉ: thôn L1, xã L, thị xã K. Khi quán Karaoke, H gặp chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982 (*là chủ quán đang đứng quầy*) thuê phòng hát và yêu cầu cho 3 nhân viên nữ lên phòng phục vụ bấm bài và rót bia thì được chị H1 hướng dẫn lên phòng hát số 1 của quán. Sau đó chị H1 cử Hoàng Thị V2, sinh năm 2006, Hoàng Thị D1, sinh năm 1997 và Lương Thị Ngọc Niềm, sinh năm 2001 (*là nhân viên quán hát*) lên phòng hát số 1 để phục vụ việc hát, bấm bài và rót bia. Trong khi mọi người hát và uống bia thì H gọi điện thoại cho Nguyễn Đức H1 rủ H1 đến hát cùng, H1 đồng ý. H bảo H1 “*có lấy được đồ lên chơi không?*”, ý nói có lấy được ma túy tổng hợp không thì H1 trả lời có và bảo H gọi điện cho 01 người tên là U. Sau đó H1 gửi số điện thoại của U cho H. H gọi điện cho U bảo “*lấy cho anh 1 chỉ ke và 02 viên kẹo sẽ trả tiền sau*”, U đồng ý. Sau khi đặt mua ma túy thì H vào phòng gặp T1 và bảo “*anh có lấy đồ về, anh em mình cùng chơi*”, T1 đồng ý. Khoảng gần 14 giờ cùng ngày, H1 nhận được điện thoại của U hẹn ra khu vực Trường trung học phổ thông K 2 để giao ma túy. H1 đi ra khu vực cổng Trường THPT K II; một lúc sau có 01 thanh niên không quen biết (không phải là U) đến đưa cho H1 01 gói giấy ăn vo tròn, bên trong có 01 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng và 02 viên nén màu xanh. H1 cầm số ma túy trên đến quán Karaoke Văn H1 và để số ma túy vừa đi lấy trên mặt bàn và bảo H “*anh H ơi, đồ đây này*”. H đứng dậy bỏ toàn bộ số ma túy trên vào đĩa sứ có sẵn ở bàn và bỏ ½ viên ma túy “kẹo” sử dụng, ½ viên còn lại H đưa cho D1 sử dụng. T1 lấy 01 viên, bẻ đôi sử dụng và đưa ½ viên kẹo còn lại cho Niềm sử dụng. Lúc này, H hỏi mượn thẻ ngân hàng ATM của H1 để kẻ ke, H1 đồng ý lấy thẻ ATM đưa cho H. H dùng thẻ ATM kẻ “ke” thành từng luồng nhỏ. Lúc này T1 đưa cho D1 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng nhờ D1 cuộn tròn lại thành ống hút. Sau đó H cầm ống hút để sử dụng ma túy bằng hình thức hít chất ma túy vào cơ thể qua đường mũi, rồi H cầm đĩa ma túy đi mời mọi người trong phòng sử dụng trong đó có Hoàng Thị V2, Hoàng Thị D1, Lương Thị Ngọc Niềm. Khi mời V thì V từ chối không sử dụng ma túy. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì Tổ công tác

thuộc Công an xã L phối hợp với Công an thị xã K kiểm tra phòng hát số 01 phát hiện. Thu giữ chất tinh thể màu trắng trên đĩa sứ màu trắng hình tròn ở trên mặt bàn (được niêm phong ký hiệu M); thu 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, trên mặt đĩa có một thẻ ATM, 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng còn bám dính chất tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu M1); thu của H1 01 xe mô tô biển số: 34D1- 298.20; thu của H 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro kèm sim; thu của H1 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105 kèm sim. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản vụ việc và niêm phong vật chứng.

Tại Kết luận giám định số 336/KL-KTHS ngày 25/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: 5.1/ Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M, gửi đến giám định khối lượng là 0,020 gam là ma túy, loại Ketamine. 5.2/ Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng bám dính trên mặt đĩa sứ, thẻ nhựa và bên trong ống hút, được niêm phong trong hộp bìa catton ký hiệu M1 gửi đến giám định, là ma túy loại Ketamine. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng. Hoàn lại đối tượng giám định gồm: Trả phần 5.1: 01 (Một) vỏ túi nilon màu trắng và 01 (Một) vỏ phong bì niêm phong mẫu vật ký hiệu M gửi đến giám định, được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1. Trả phần 5.2: 01 (Một) đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 (Một) thẻ ATM màu xanh; 01 (Một) ống hút được cuộn từ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng, được niêm phong trong 01 (Một) hộp bìa catton dán kín ký hiệu T2. Đối tượng giám định được hoàn lại trong 01 phong bì ký hiệu T1 và 01 hộp bìa catton niêm phong ký hiệu T2 đều niêm phong số 336/KL-KLHS.

Tại kết quả test thử chất ma túy do Trung tâm y tế thị xã K tiến hành kết quả: Nguyễn Văn H, Lê Văn T1, Hoàng Thị D1, Lương Thị Ngọc Niềm, Hoàng Thị V2 dương tính với chất ma túy Methamphetamine, MDMA, Ketamine; Nguyễn Đức H1 dương tính với ma túy Ketamine; Bùi Văn V âm tính với chất ma túy.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với biên bản trong quá trình điều tra, biên bản vụ việc, lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 114/CT-VKS ngày 30/11/2022, VKSND thị xã K truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H1 và Lê Văn T1 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H1 và Lê Văn T1 vẫn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Vị đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H1 và Lê Văn T1 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đề nghị: Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51;

Điều 17, Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H1 và Lê Văn T1. Áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo T1, H1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 26/4/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H1 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 26/4/2022.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 26/4/2022.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng. Về biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ số vật chứng do Cơ quan giám định hoàn lại được niêm phong số 336/KL-KLHS; 02 sim điện thoại; Tịch thu sung quỹ nhà nước tờ tiền mệnh giá 10.000đ; Trả lại bị cáo H1 chiếc xe mô tô biển số 34D1- 298.20 và Giấy chứng nhận xe; Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 02 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo H và H1. Ngoài ra quan điểm đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến KH1 nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H1 và Lê Văn T1 vẫn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản vụ việc, lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 22/4/2022 tại quán Karaoke Văn H1, địa chỉ: thôn L1, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Đức H1, Lê Văn T1 có hành vi chuẩn bị chất ma túy Ketamine, công cụ, pH1 tiện sử dụng chất ma túy rồi cùng Hoàng Thị V2 (sinh năm 2006), Hoàng Thị D1, Lương Thị Ngọc Niềm sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Tổ công tác thuộc Công an xã L phối hợp với Công an thị xã K kiểm tra, phát hiện, thu giữ vật chứng. Do vậy, VKSND thị xã K truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Đức H1, Lê Văn T1 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 255

của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước ta về các chất ma túy – loại độc được gây nghiện; Không những xâm phạm trật tự an toàn xã hội nói chung và tại địa pH1 xã L nói riêng, mà còn làm ảnh hưởng đến sức khỏe, lan tràn tệ nạn nghiện hút ma túy trong cộng đồng. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: không. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, nên cần xem xét áp dụng cho các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội thành khẩn khai báo” được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Đối với bị cáo Nguyễn Đức H1 còn có mẹ được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen và bố bị cáo Lê Văn T1 được Chủ tịch nước thưởng Huân cH1 chiến công hạng ba, nên đối với bị cáo H1 và bị cáo T1 còn được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS “gia đình có công với nước”. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là phù hợp. Song xét tính chất, mức độ, vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án thì thấy, bị cáo H là kẻ đề xuất, có vai trò chính trong vụ án, bị cáo H1 và bị cáo T1 giữ vai trò đồng phạm, thực hiện hành vi tích cực cùng Nguyễn Văn H. Nên dù có xem xét, cH1 cố cũng cần phân hóa về vai trò, hình phạt, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian nhất định tương ứng với hành vi và hậu quả của các bị cáo gây ra mới đủ đảm bảo tính giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án này, đối với người tên là U, quá trình điều tra Nguyễn Văn H khai gọi điện thoại mua ma túy của U với giá 2.000.000 đồng, tuy nhiên người giao ma túy cho H1 không phải là U. Tiến hành rút danh sách liên lạc của H và H1 liên lạc với U qua số 0901.240.995. Kết quả chủ thuê bao tên Nguyễn Văn Huy, sinh năm 1995, trú tại: H1, K, Hải Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã K tiến hành triệu tập Huy nhiều lần nhưng Huy không có mặt tại gia đình và địa pH1 nên chưa lấy được lời khai, do vậy chưa có đủ căn cứ để xử lý đối với Huy. Cơ quan điều tra tách hành vi của Huy để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Hoàng Đức Văn và bà Nguyễn Thị H1 là chủ quán Karaoke Văn H1 khi cho H thuê phòng không biết H và những người khác sử dụng chất ma túy nên không cấu thành tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy hoặc đồng phạm với H về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không đặt ra việc xử lý.

Đối với hành vi sử dụng chất ma túy của Lê Văn T1, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Văn H, Hoàng Thị V2, Hoàng Thị D1, Lương Thị Ngọc Niềm và ông Hoàng Đức Văn chủ quán Karaoke Văn H1 để xảy ra việc sử dụng ma túy tại nhà

quán, Ủy ban nhân dân thị xã K đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện, nhân thân của các bị cáo nên không đặt ra hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ chất tinh thể màu trắng trên đĩa sứ màu trắng hình tròn ở trên mặt bàn (được niêm phong ký hiệu M); thu 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, trên mặt đĩa có một thẻ ATM, 01 ống hút được quán bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng còn bám dính chất tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu M1); thu của H1 01 xe mô tô biển số: 34D1- 298.20; thu của H 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro kèm sim; thu của H1 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105 kèm sim. Hoàn lại đối tượng giám định được niêm phong số 336/KL-KLHS.

Xét số ma túy và mẫu vật được hoàn lại sau giám định niêm phong số 336/KL-KLHS thuộc vật Nhà nước cấm lưu hành, cùng công cụ, sim điện thoại trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu cho hủy bỏ; Đối với chiếc điện thoại Iphone 11 Pro thu của H và 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105 thu của H1 là công cụ giao dịch để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước; Đối với 01 xe mô tô biển số: 34D1- 298.20 và đăng ký xe của H1 không phải pH1 tiện trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên cần tuyên trả cho H1 là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H1 và Lê Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b,c khoản 2 Điều 255; Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Căn cứ điểm b,c khoản 2 Điều 255; Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức H1 và Lê Văn T1.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a,b,c khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 1 và Điểm a,c khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H1 và Lê Văn T1 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Về hình phạt: Xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Văn H 07 năm 06 tháng tù, thời hạn được tính kể từ ngày tạm giam 26/4/2022.

2. Bị cáo Nguyễn Đức H1 07 năm 03 tháng tù, thời hạn được tính kể từ ngày tạm giam 26/4/2022.

3. Bị cáo Lê Văn T1 07 năm 03 tháng tù, thời hạn được tính kể từ ngày tạm giam 26/4/2022.

Về biện pháp tư pháp: Tuyên tịch thu số ma túy và mẫu vật được dán kín niêm phong số 336/KL-KLHS, 02 sim điện thoại cho hủy bỏ; Tịch thu sung quỹ nhà nước tờ tiền mệnh giá 10.000đ; Trả lại bị cáo H1 chiếc xe mô tô biển số 34D1-298.20 và Giấy chứng nhận xe; Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia 105 màu đen và 01 chiếc điện thoại Iphone 11 pro màu xanh (*Đều được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K*).

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H1 và Lê Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: □n xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo. Tòa án báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã K;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Công an thị xã K;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã K.Môn;
- Bộ phận HSNV Công an thị xã K.Môn;
- Trại giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền